

Số: /QĐ-BGDDĐT

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị quyết số 158/2024/QH15 ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025.

Điều 2. Giao thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ:

1. Căn cứ nội dung của Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và các nhiệm vụ được giao tại Điều 1 Quyết định này, chủ động phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan thuộc, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, đề án được giao đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng;

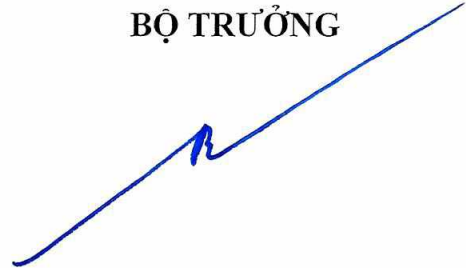
2. Định kỳ gửi báo cáo đánh giá tình hình, kết quả thực hiện, khó khăn vướng mắc, phương hướng, giải pháp, kiến nghị đề xuất (nếu có) về Bộ GDĐT (qua Vụ Kế hoạch - Tài chính) trước ngày 18 hàng tháng để tổng hợp trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- Website Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, KHTC.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Kim Sơn

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số **318**/QĐ-BGDĐT ngày **24** tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

1. Mục tiêu

Triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ giao cho ngành Giáo dục tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 (Nghị quyết 01/NQ-CP năm 2025).

2. Quan điểm chỉ đạo điều hành

Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ quyết tâm, giữ vững tinh thần vượt khó, đoàn kết, tự lực, tự cường, chủ động thích ứng, linh hoạt, hành động quyết liệt, khoa học, hiệu quả, tích cực đổi mới, sáng tạo theo đúng tinh thần **“Kỷ cương trách nhiệm; chủ động kịp thời; tinh gọn hiệu quả; tạo đà bứt phá”** với 05 quan điểm, trọng tâm chỉ đạo điều hành của Chính phủ; tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm được Chính phủ giao tại Nghị quyết 01/NQ-CP năm 2025 đối với lĩnh vực giáo dục.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Thực hiện hiệu quả nhiệm vụ đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI và Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Xây dựng và triển khai Kế hoạch hành động của Bộ GDĐT triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” (sau đây gọi tắt là Kết luận số 91-KL/TW) và Kế hoạch tổ chức học tập, quán triệt Kết luận số 91-KL/TW, các văn bản triển khai của Chính phủ và của Bộ GDĐT; Kế hoạch của Bộ GDĐT thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

2. Tập trung hoàn thiện thể chế, đổi mới công tác quản lý giáo dục, đào tạo và quản trị nhà trường theo hướng hiện đại và hội nhập quốc tế

Tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật, các cơ chế, chính sách về giáo dục và đào tạo nhằm thể chế hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Kết luận số 91-KL/TW; Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; hoàn thiện quy định về tổ chức bộ máy theo hướng tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục, đào tạo; các vấn đề thực tiễn phát sinh cần điều chỉnh để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

Ưu tiên nguồn lực xây dựng Luật Nhà giáo; hoàn thành, trình Quốc hội Nghị quyết về đổi mới chương trình giáo dục mầm non (GDMN), Nghị quyết về phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi; rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục; xây dựng Luật Giáo dục Đại học (thay thế Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 và Luật sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục Đại học số 34/2018/QH14).

3. Hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy; tăng cường phân cấp, phân quyền, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu; đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi

Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ GDĐT theo kế hoạch định hướng, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ tại Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW.

Phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị thuộc và trực thuộc sau khi Chính phủ ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ GDĐT; ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và đề án vị trí việc làm của các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ sau khi hoàn thành việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Bộ.

Tổ chức thực hiện tinh giản biên chế theo phương án sắp xếp, tinh gọn bộ máy của Bộ phù hợp với lộ trình thực hiện chính sách quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

Thực hiện nghiêm Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm

tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán, Quy định số 189-QĐ/TW ngày 08/10/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công; thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030.

4. Nâng cao chất lượng GDMN, thực hiện đổi mới Chương trình GDMN, triển khai hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, đẩy mạnh xây dựng các mô hình học tập, xã hội học tập, học tập suốt đời; tăng cường thực hiện công bằng, bình đẳng trong tiếp cận giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi

Tiếp tục triển khai các chương trình, đề án của Chính phủ đối với GDMN, trong đó ưu tiên nguồn kinh phí từ các Chương trình Mục tiêu quốc gia, Chương trình Hỗ trợ GDMN vùng khó giai đoạn 2022-2030 để đầu tư cho cấp học mầm non. củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi; xây dựng kế hoạch, tăng cường nguồn lực, ưu tiên bảo đảm ngân sách để hoàn thành mục tiêu về phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi vào năm 2030 theo Nghị quyết số 42-NQ/TW và Nghị quyết số 68/NQ-CP. Tập trung chuẩn bị tốt các điều kiện về các nguồn lực và năng lực đội ngũ để triển khai thí điểm Chương trình GDMN mới.

Triển khai hiệu quả Chương trình GDMN. Thực hiện tốt công tác bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ em; phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh; nâng cao chất lượng công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em; đổi mới tổ chức các hoạt động giáo dục, phát triển Chương trình trong cơ sở GDMN; chủ động hợp tác, áp dụng mô hình giáo dục tiên tiến, hiện đại phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương. Tiếp tục thực hiện kế hoạch triển khai Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng DTTS giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025”; bảo đảm chất lượng giáo dục hoà nhập trẻ em khuyết tật; Chuẩn bị cho trẻ em 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp một đáp ứng yêu cầu liên thông với Chương trình lớp một.

Tiếp tục hoàn thiện và triển khai có hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông, trong đó tập trung phát triển Chương trình nhằm thực hiện tốt mục tiêu trang bị cho người học những phẩm chất và năng lực cần thiết để trở thành những công dân có ích, có trách nhiệm, có khả năng tự học và thích ứng với sự thay đổi của xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển KTXH; đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của cả người dạy và người học; phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực của người học. Tiếp tục thực hiện một chương trình giáo dục phổ thông thống nhất trong cả nước, mỗi môn học có một hoặc một số sách giáo khoa và xã hội hóa việc biên soạn sách giáo khoa; nghiên cứu đề xuất với Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách sử dụng ngân sách nhà nước để bảo đảm một số sách giáo khoa không thực hiện được xã hội hóa như sách giáo khoa tiếng dân tộc thiểu số, một số ngoại ngữ

và sách chữ nổi cho học sinh khuyết tật nhìn; từng bước thực hiện sách giáo khoa điện tử,... để đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh. Tổng kết đánh giá việc triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; tiếp tục hoàn thiện và phát triển Chương trình giáo dục phổ thông 2018 phù hợp với mục tiêu, yêu cầu đặt ra. Nghiên cứu về chương trình trường trung học phổ thông kỹ thuật phù hợp với nhu cầu chung của quốc gia và nhu cầu riêng của các địa phương. Tổng kết đánh giá việc triển khai thực hiện Quyết định số 522/QĐ/TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025.

Triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông; tăng cường đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Phát huy tính chủ động, linh hoạt trong thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên. Tăng cường phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường. Chủ động rà soát và phát triển chương trình giáo dục phổ thông bảo đảm đáp ứng yêu cầu đổi mới và phù hợp với thực tế triển khai tại các cơ sở giáo dục. Tiến hành rà soát, đánh giá việc triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

Tiếp tục nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở các cấp học và trình độ đào tạo. Nghiên cứu và xây dựng đề án, kế hoạch từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

Tăng cường hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đối với cơ sở GDMN, phổ thông. Chuẩn bị tốt các điều kiện để tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025 bảo đảm an toàn, nghiêm túc, khách quan. Phân tích, đánh giá và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông để phục vụ công tác quản lý chuyên môn và ban hành chính sách dạy và học cấp trung học phổ thông ở các địa phương, cơ sở giáo dục.

Tổ chức tốt Kỳ thi học sinh giỏi quốc gia và tham dự các Kỳ thi Olympic Quốc tế năm 2025; nghiên cứu, đề xuất phương án để tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng các học sinh đã đạt giải cao tại các Kỳ thi Olympic quốc tế để phát huy tốt phẩm chất, năng lực của các em.

Đẩy mạnh triển khai thực hiện chương trình xóa mù chữ, nhất là tại các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông bảo đảm chất lượng, hiệu quả; triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ và đa dạng hóa các chương trình giáo dục trong các cơ sở giáo dục thường xuyên; xây dựng các mô hình đơn vị học tập, cộng đồng học tập; đẩy mạnh học tập thường xuyên, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập.

5. Nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo. Chú trọng đào tạo nhân lực các ngành, lĩnh vực trọng điểm, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, nhất là các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ, đường sắt cao tốc và các ngành mới như trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, chip bán dẫn,... đẩy mạnh thực hiện tự chủ đại học thực chất; số sinh viên đại học trên 1 vạn dân năm 2025 đạt 220 người. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học, trong đó, ưu tiên các lĩnh vực công nghệ mới. Triển khai có hiệu quả các giải pháp thúc đẩy các hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong học sinh, sinh viên

Triển khai hiệu quả Chỉ thị số 37/CT-TTg ngày 07/10/2024 về tăng cường công tác chỉ đạo, phối hợp, tổ chức kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học, giáo dục nghề nghiệp năm 2025 để chuẩn bị tốt các điều kiện cho Kỳ thi tốt nghiệp THPT phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông 2018, bảo đảm chất lượng và công bằng; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy nhanh chuyển đổi số, hiện đại hóa cơ sở vật chất và đổi mới chương trình, phương thức đào tạo và trong công tác quản trị nhà trường. Rà soát, cập nhật chương trình đào tạo, thực hiện chuẩn chương trình đào tạo và chuẩn cơ sở giáo dục đại học; tăng cường ứng dụng công nghệ giáo dục, trí tuệ nhân tạo trong dạy và học. Tăng cường các nguồn lực đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và các điều kiện bảo đảm chất lượng khác, chủ động triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sự phạm sau khi được phê duyệt. Nghiên cứu, xây dựng Khung Chiến lược Phát triển giáo dục đại học.

Tổ chức triển khai có hiệu quả các đề án, dự án, chương trình liên quan tới phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao¹, tới phát triển các cơ sở giáo dục đại học theo các nghị quyết phát triển các vùng KTXH, nhất là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phong trào khởi nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ và các ngành mới, nhất là trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, chip bán dẫn... và các ngành phục vụ phát triển các công nghệ chiến lược, then chốt tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Có chính sách hữu hiệu để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao vào khu vực công.

Tiếp tục thực hiện Chương trình phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định

¹ Tập trung triển khai hiệu quả các Đề án: Đề án “Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050”, Đề án phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn 2045; Đề án phát triển các cơ sở giáo dục đại học theo các Nghị quyết phát triển vùng kinh tế - xã hội và các dự án triển khai thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; Đề án phát triển hệ thống trung tâm đào tạo và xuất sắc về công nghệ 4.0.

chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2022-2030; đẩy mạnh kiểm định chất lượng giáo dục trong nước và quốc tế về cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo; quan tâm phát triển các chương trình đào tạo đại học đạt trình độ quốc tế. Tăng cường công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục các cấp học, trình độ đào tạo; quản lý văn bằng chứng chỉ thống nhất và hướng đến hội nhập quốc tế.

Tập trung đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Tăng cường các hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học và công bố trên các tạp chí khoa học uy tín quốc tế và trong nước, đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn, nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, phát triển khoa học giáo dục gắn với đào tạo. Hình thành, phát triển các loại hình nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh. Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với doanh nghiệp trong nghiên cứu khoa học và ứng dụng chuyển giao; Tổ chức tổng kết Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025”, xây dựng Đề án giai đoạn mới theo định hướng tạo cơ chế, chính sách đột phá thúc đẩy việc hình thành, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học. Tăng cường hoạt động nghiên cứu, chuyển, thúc đẩy việc ươm tạo các doanh nghiệp khởi nguồn, doanh nghiệp khởi nghiệp trong các cơ sở đào tạo, tích cực tổ chức các hoạt động tư vấn, hỗ trợ công nghệ mới cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, chuyển giao các dự án khởi nghiệp khả thi cho cộng đồng góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại các vùng khó khăn.

6. Khuyến khích phát triển các mô hình trường học mới, trường học số, trường học thông minh

- Triển khai, thí điểm triển khai các mô hình dạy - học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng dạy học kết hợp (lớp học thông minh, nhóm học tương tác, tự học và trợ lý ảo), tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, khai thác sử dụng hiệu quả trí tuệ nhân tạo AI trong công tác quản lý điều hành, dạy và học đảm bảo hiệu quả, phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Phát triển các kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung toàn ngành giáo dục, gồm bài giảng điện tử, bài giảng dạy trên truyền hình, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho tất cả các môn học của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Phát triển, ứng dụng nền tảng cung cấp các khóa học trực tuyến đại chúng mở (MOOCs), tăng cường công nhận tín chỉ các khóa học trực tuyến giữa các cơ sở giáo dục đại học. Nghiên cứu, đề xuất chính sách về xây dựng, khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên giáo dục mở trong giáo dục đại học.

- Triển khai thí điểm mô hình giáo dục đại học số tại một số cơ sở giáo dục

đại học.

7. Tăng cường đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất, thể thao trường học cho học sinh, sinh viên gắn với việc xây dựng và phát huy hệ giá trị văn hoá, con người Việt Nam. Đẩy mạnh triển khai xây dựng văn hoá học đường, quan tâm giáo dục cho học sinh, sinh viên lòng yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, khơi dậy khát vọng cống hiến phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc

Triển khai hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục đạo đức lối sống, kỹ năng sống trong trường học; tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong các cơ sở giáo dục, chú trọng công tác phát triển Đảng trong học sinh, sinh viên. Tăng cường hoạt động giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên; tập trung các giải pháp xây dựng văn hóa học đường; chú trọng đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa ứng xử, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, việc làm; giáo dục pháp luật về an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ cho học sinh thông qua các hoạt động giáo dục. Tăng cường công tác tư vấn, hỗ trợ trong trường học; công tác Đoàn, Đội về kỹ năng ứng xử trên mạng xã hội; phòng, chống bạo lực học đường, phòng ngừa tội phạm và tệ nạn xã hội, tệ nạn ma túy, bảo đảm an ninh trật tự trường học; kỹ năng xử lý các tình huống có liên quan tới việc phát sinh bạo lực học đường. Đẩy mạnh công tác phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong công tác giáo dục phát triển toàn diện cho trẻ em, học sinh. Tăng cường công tác tư vấn nghề nghiệp việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên trang bị cho học sinh, sinh viên đầy đủ kiến thức, kỹ năng giúp học sinh, sinh viên sớm hình thành tinh thần khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, khơi dậy khát vọng cống hiến, phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Tổ chức rà soát đánh giá các quy chế, quy định về công tác HSSV.

Nâng cao công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác giáo dục quốc phòng và an ninh theo đường lối, chủ trương của Đảng đối với công tác giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới và Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2013 và các văn bản có liên quan. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên, viên chức, người lao động theo từng đối tượng trong các cơ quan, đơn vị, cơ sở giáo dục có hiệu quả. Phát huy vai trò của giáo dục quốc phòng, an ninh trong giáo dục ý thức, trách nhiệm công dân, giáo dục tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, lòng tự hào, tự tôn dân tộc.

Triển khai hiệu quả công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế trường học; xây dựng trường học an toàn, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh toàn diện cả về thể chất và tinh thần. Chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục kiến thức, kỹ năng phòng chống đuối nước học sinh giai đoạn 2025-2035²; Tăng cường tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và an toàn thực phẩm, kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho học sinh; kiện toàn và nâng cao

² Quyết định số 1717/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

năng lực hệ thống y tế trường học. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về sức khỏe học đường, ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, tổ chức bữa ăn học đường và tiêu chí xây dựng trường học an toàn, thân thiện, hạnh phúc. Tăng cường kiểm tra, giám sát quy trình đưa đón học sinh bằng dịch vụ xe ô tô đảm bảo tuyệt đối an toàn cho trẻ em, học sinh.

Tổ chức triển khai hiệu quả tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Đề án Tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2022-2025³; Chương trình “Sức khỏe học đường giai đoạn 2021 - 2025”⁴; Chương trình “Y tế trường học trong các cơ sở GDMN, phổ thông gắn với y tế cơ sở giai đoạn 2021-2025”⁵; Đề án Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh để nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2028-2025⁶. Tổ chức sơ kết 5 năm triển khai Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030 theo Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 07/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động thể thao học sinh, sinh viên gắn kết với nội dung môn học giáo dục thể chất thuộc Chương trình giáo dục phổ thông.

8. Bảo đảm công bằng, bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục của người dân (trong đó, quan tâm đến đối tượng là người dân tộc thiểu số, người sống ở miền núi, vùng có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn,...); tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, liên thông, công bằng, bình đẳng, thúc đẩy xã hội học tập và học tập suốt đời; đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập

8.1. Bảo đảm công bằng, bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục của người dân (trong đó, quan tâm đến đối tượng là người dân tộc thiểu số, người sống ở miền núi, vùng có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn,...)

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.

Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật, tạo sự đồng bộ, liên thông, nâng cao chất lượng công tác phổ cập giáo dục. Củng cố, duy trì vững chắc kết quả phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, xóa mù chữ và từng bước phấn đấu đạt chuẩn mức độ cao hơn để nâng cao chất lượng giáo dục.

Chú trọng chính sách ưu tiên đầu tư phát triển GDMN; có chính sách tháo

³ Quyết định 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016.

⁴ Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 2/10/2021.

⁵ Quyết định số 85/QĐ-TTg ngày 17/1/2022.

⁶ Quyết định số 41/QĐ-TTg ngày 08/01/2019.

gỡ việc phát triển mạng lưới trường, lớp dân lập, tư thục; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục. Tăng cường nguồn lực, bảo đảm ngân sách để hoàn thành các mục tiêu về phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ, phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông, ưu tiên phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi. Ưu tiên nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các cơ sở GDMN, phổ thông, giáo dục thường xuyên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi. Trong đó, ưu tiên củng cố, phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú, các trung tâm học tập cộng đồng các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tiếp tục hoàn thiện mạng lưới trường, lớp, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, bảo đảm điều kiện cho GDMN, phổ thông. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hoá, tạo điều kiện cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước đầu tư xây dựng trường, lớp, nhất là trường mầm non, nhà trẻ ngoài công lập tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị đông dân cư, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện KTXH khó khăn, đặc biệt khó khăn.

Triển khai thực hiện Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Tăng cường đa dạng hóa các chương trình GDTX, thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập từ cơ sở; tạo cơ hội để mọi người dân được tiếp cận giáo dục thông qua các phương thức, chương trình GDTX. Thúc đẩy phong trào “học tập số” trong các cơ sở giáo dục.

Thực hiện công bằng và bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục có chất lượng đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, nhất là của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo, khu đô thị đông dân cư, khu công nghiệp, khu chế xuất và các đối tượng là trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, phụ nữ và trẻ em gái, những đối tượng yếu thế khác. Tăng cường dạy học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số, gìn giữ và phát huy giá trị ngôn ngữ, văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số, tăng cường chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ. Hỗ trợ trẻ dưới 36 tháng tuổi được vào học ở nhà trẻ, nhất là vùng có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị đông dân cư. Nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ, tiến tới xóa mù kỹ năng.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách tín dụng giáo dục, học bổng, trợ cấp xã hội cho người học; chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt cho người học là đối tượng được hưởng chính sách xã hội, người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn, trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo; chính sách cử tuyển đối với học sinh là đồng bào dân tộc thiểu số rất ít người, đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn. Bảo đảm quyền được tiếp cận giáo dục, đặc biệt là hoàn thành giáo dục bắt buộc và phổ cập giáo

dục đối với người khuyết tật. Tiếp tục triển khai có hiệu quả ba phương thức giáo dục cho người khuyết tật là phương thức giáo dục hòa nhập, bán hòa nhập và chuyên biệt, trong đó đặc biệt quan tâm đến phương thức giáo dục hòa nhập.

Củng cố, phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú nhằm duy trì kết quả phổ cập giáo dục và tạo nguồn đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn.

8.2. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, liên thông, công bằng, bình đẳng, thúc đẩy xã hội học tập và học tập suốt đời; đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập

- Tiếp tục chỉ đạo các địa phương hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, liên thông, thúc đẩy xã hội học tập và học tập suốt đời từ cơ sở; Nghiên cứu khung chính sách cho Luật học tập suốt đời; tổ chức các hội thảo xây dựng chính sách thúc đẩy học tập suốt đời; tăng cường công tác truyền thông trong việc học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập; chú trọng chăm lo hỗ trợ cho các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận bình đẳng trong tiếp cận học tập suốt đời; xây dựng, bổ sung hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù cho hệ thống cơ sở giáo dục thường xuyên tại các xã đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tăng cường xã hội hoá giáo dục thường xuyên thông qua mô hình thiết chế cơ sở.

- Tăng cường trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong việc thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” (Đề án xây dựng XHHT). Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động Đề án xây dựng XHHT của các cơ quan, đơn vị và của các địa phương; tổ chức Hội nghị sơ kết 5 năm thực hiện Đề án xây dựng XHHT.

- Tiếp tục duy trì, phát huy vai trò của ban chỉ đạo xây dựng XHHT các cấp. Xây dựng, ban hành các chính sách thu hút, khuyến khích sự tham gia của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình vào công tác xây dựng XHHT; chính sách hỗ trợ người học có hoàn cảnh khó khăn, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật.

- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên và hiệu quả giữa các cơ quan, tổ chức, đoàn thể với ngành Giáo dục trong triển khai thực hiện Đề án xây dựng XHHT.

9. Phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục bảo đảm đủ số lượng và nâng cao về chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo. Tiếp tục giải quyết tình trạng thiếu giáo viên các cấp học, nhất là tại địa bàn vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Chỉ đạo các địa phương, đơn vị thực hiện tuyển dụng hết chỉ tiêu biên chế được giao, quản lý, sử dụng hiệu quả chỉ tiêu biên chế giáo viên được giao tại Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị, khắc phục tình trạng thiếu giáo viên, nhất là giáo viên mầm non, giáo viên dạy các môn học theo

Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Chú trọng việc tuyển dụng giáo viên giảng dạy các môn học mới, môn học đặc thù theo chương trình giáo dục phổ thông 2018, tuyển dụng bảo đảm (bỏ vì không đủ biên chế để tuyển đủ số lượng), cơ cấu giáo viên hợp lý theo từng môn học, cấp học. Thực hiện bố trí, điều động, biệt phái đối với đội ngũ nhà giáo giữa các cơ sở giáo dục, để khắc phục tình trạng thừa – thiếu giáo viên cục bộ giữa các cơ sở giáo dục và sử dụng hiệu quả đội ngũ biên chế hiện có. Có giải pháp sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên hiện có.

Thực hiện tốt công tác xác định nhu cầu giáo viên để tuyển sinh, đào tạo sinh viên sư phạm, bảo đảm đủ về cơ cấu, số lượng, chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Ưu tiên nguồn lực để thực hiện đào tạo nâng trình độ chuẩn của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở bảo đảm hoàn thành mục tiêu lộ trình đào tạo theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP và bảo đảm quyền được hỗ trợ học phí đào tạo nâng trình độ chuẩn của nhà giáo theo quy định; chú trọng triển khai bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, giảng dạy đáp ứng yêu cầu chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên các cấp học mầm non, phổ thông và thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Triển khai có hiệu quả Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2030.

10. Tăng cường cơ sở vật chất, bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo; sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước và huy động các nguồn lực đầu tư cho giáo dục

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 686/NQ-UBTVQH15 ngày 18/9/2023 của Quốc hội, Kết luận số 91-KL/TW của Bộ Chính trị, Bộ GDĐT phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án, dự án tăng cường cơ sở vật chất, đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ CTGDPT 2018. Rà soát, ban hành và điều chỉnh các quy định về tiêu chuẩn trường, lớp học đáp ứng yêu cầu dạy và học, phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Triển khai chương trình đầu tư kiên cố hóa trường học, xóa phòng học tạm, xây dựng trường chuẩn quốc gia và bảo đảm đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tối thiểu; phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ phòng học được kiên cố hóa đạt 100%; triển khai chương trình đầu tư công hiện đại hóa giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp để tạo đột phá trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Xây dựng kế hoạch năm 2025 và kế hoạch giai đoạn 2026-2030 để các địa phương đưa vào Nghị quyết Đại hội đảng các cấp.

- Đảm bảo ngân sách thực chi cho giáo dục và đào tạo tối thiểu 20% tổng chi ngân sách nhà nước theo đúng tinh thần của Nghị quyết số 37/2004/NQ-QH11 ngày 03/12/2004 của Quốc hội, Luật Giáo dục 2019 và Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” và Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện

Nghị quyết số 29-NQ/TW.

Tiếp tục tham mưu các cấp, các ngành bổ sung ngân sách chi thường xuyên cho các cơ sở giáo dục để đảm bảo chi cho hoạt động giảng dạy và học tập đạt tỷ lệ tối thiểu 19% trong tổng chi thường xuyên (chưa kể chi từ nguồn thu học phí) theo quy định.

Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực đầu tư cho giáo dục; tiếp tục ưu tiên ngân sách địa phương cho giáo dục và đào tạo.

Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, nhất là nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án, dự án đã được phê duyệt.

11. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục; hoàn thiện các cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, kết nối liên thông dữ liệu trong ngành giáo dục và kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến và Bộ phận một cửa, một cửa liên thông

Tiếp tục xây dựng hoàn thiện các cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, kết nối liên thông dữ liệu trong ngành giáo dục và kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến và Bộ phận một cửa, một cửa liên thông. Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”; Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025”. Khuyến khích phát triển và khai thác dữ liệu lớn, giải pháp trí tuệ nhân tạo phù hợp trong giáo dục và đào tạo.

Chỉ đạo, tổ chức triển khai thí điểm thực hiện Học bạ số cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông đối với giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện cải cách thủ tục hành chính liên quan đến học bạ trên môi trường số; tăng cường hiệu quả quản lý, giảm áp lực cho giáo viên và cán bộ quản lý về hồ sơ, sổ sách; tiết kiệm chi phí và thuận tiện, minh bạch, hiệu quả trong thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn (chuyển trường, tuyển sinh,...) và đáp ứng các nhu cầu của xã hội, tổ chức, cá nhân trong việc xác thực thông tin liên quan đến học bạ.

Tăng cường các điều kiện đảm bảo về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học, kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục và đào tạo; tiếp tục xây dựng hạ tầng học tập quốc gia, kho học liệu số chia sẻ dùng chung toàn ngành, gồm: bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho các môn học; triển khai nền tảng cung cấp các khóa học trực tuyến dùng chung; triển khai thực hiện học bạ số.

12. Tăng cường hội nhập quốc tế trong giáo dục

Đẩy mạnh hơn nữa hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo, thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của nước ngoài cho giáo dục và đào tạo; thu hút các cơ sở giáo dục đại học có uy tín đặt phân hiệu tại Việt Nam. Khuyến khích và tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục đại học trong nước hợp tác với các cơ sở giáo dục đại học nước ngoài về đào tạo, nghiên cứu khoa học, hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh, chủ động tham gia mạng lưới nghiên cứu và trao đổi toàn cầu; tăng cường công tác quản lý hoạt động của các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài và tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học.

Thực hiện đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước, nhất là đào tạo giảng viên trình độ tiến sĩ và chuyên gia các ngành kỹ thuật, công nghệ mũi nhọn, đặc biệt là các ngành khoa học cơ bản và đặc thù; khuyến khích việc học tập và nghiên cứu khoa học ở nước ngoài bằng các nguồn ngoài ngân sách nhà nước; đẩy mạnh việc thu hút sinh viên quốc tế đến học tập tại Việt Nam.

Tích cực tham gia các chương trình đánh giá chất lượng giáo dục quốc tế mà Việt Nam đã cam kết đối với giáo dục, đào tạo cấp tiểu học, trung học phổ thông (gồm SEA-PLM, PISA, TALIS) chu kỳ 2024, 2025; khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam tham gia các chương trình đánh giá chất lượng giáo dục và đào tạo của các tổ chức uy tín trong khu vực và quốc tế.

Tiếp tục rà soát và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hợp tác và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; chủ động mở rộng hợp tác song phương và đa phương, trong đó ưu tiên các nước láng giềng, các nước phát triển, các đối tác chiến lược; triển khai một cách hiệu quả các hiệp định, thỏa thuận hợp tác giáo dục với nước ngoài.

13. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Tiếp tục tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục. Trong đó, trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi Nghị định số 04/2021/NĐ-CP ngày 22/01/2021 và Nghị định số 127/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục. Công tác thanh tra tập trung thanh tra công tác tổ chức bộ máy, nhân sự; quản lý tài chính, tài sản; điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục đại học; thanh tra chuyên đề công tác phòng, chống tham nhũng; việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao và hoạt động công vụ của công chức theo quy định của pháp luật của các đơn vị thuộc Bộ; thanh tra việc thực thi một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng trong lĩnh vực giáo dục phổ thông và giáo dục đại học theo yêu cầu nhiệm vụ năm học 2024-2025 và chỉ đạo của Bộ trưởng; thanh tra việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018, việc lựa chọn sách giáo khoa thuộc thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ GDĐT, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; thanh tra việc tuyển sinh đầu cấp đối với GDMN, phổ thông; thanh tra công tác quản lý nhà nước về việc thực hiện các chương trình liên kết với nước

ngoài trong cơ sở GDMN, phổ thông, thanh tra công tác tuyển sinh, đào tạo, điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục đại học; tập trung kiểm tra vào công tác quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực chức năng, nhiệm vụ của Bộ GDĐT hoặc theo yêu cầu của các cấp có thẩm quyền.

14. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục

Chủ động thông tin, truyền thông về các chủ trương, chính sách mới của ngành; việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; các hoạt động và các sự kiện lớn của ngành, trọng tâm là Luật Nhà giáo; kỷ niệm 80 năm xây dựng và phát triển của ngành Giáo dục, Đại hội thi đua yêu nước ngành Giáo dục lần thứ VIII; Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025, tổng kết đánh giá việc triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;...

Tăng cường phối hợp, xử lý hiệu quả các vấn đề về truyền thông, nhất là các vấn đề xã hội quan tâm, bức xúc để xã hội, nhân dân hiểu, chia sẻ, ủng hộ và đóng góp nhiều hơn cho ngành.

15. Thực hiện hiệu quả các phong trào thi đua trong toàn ngành

Tổ chức Đại hội thi đua yêu nước ngành Giáo dục lần thứ VIII và các hoạt động kỷ niệm 80 năm thành lập Bộ Quốc gia Giáo dục (nay là Bộ Giáo dục và Đào tạo) trên tinh thần trang trọng, tiết kiệm, thiết thực, hiệu quả, phù hợp. Tổ chức sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động và phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” của ngành Giáo dục giai đoạn 2020-2025.

Thực hiện đúng nguyên tắc và quy định, kịp thời khen thưởng nhằm động viên, thu hút, khuyến khích mọi cá nhân, tập thể phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết, đổi mới, năng động, sáng tạo vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ, góp phần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh phát hiện, tuyên truyền, nhân rộng, tôn vinh các mô hình hay, những điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong toàn ngành để biểu dương, khen thưởng tại Đại hội thi đua yêu nước ngành Giáo dục lần thứ VIII.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Thứ trưởng, theo lĩnh vực phụ trách, bám sát các mục tiêu, yêu cầu thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Chương trình hành động, thường xuyên theo dõi, chỉ đạo các đơn vị chức năng được giao phụ trách triển khai thực hiện, bảo đảm hoàn thành toàn diện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ được Chính phủ giao cho Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2025; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về kết quả thực hiện.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ

- Tổ chức triển khai thực hiện những chỉ tiêu, nhiệm vụ, đề án và nội dung công tác thuộc lĩnh vực được giao tại Kế hoạch này bảo đảm chất lượng và đúng tiến độ, thời hạn yêu cầu; báo cáo tình hình thực hiện gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính

trước ngày 18 hằng tháng để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ, gửi báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tổng hợp báo cáo Chính phủ tại các phiên họp thường kỳ Chính phủ.

- Tham mưu, đề xuất các giải pháp, biện pháp cụ thể điều hành trong lĩnh vực phụ trách; kịp thời báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đối với những vấn đề vượt thẩm quyền; chịu trách nhiệm toàn diện trước Lãnh đạo Bộ về kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đơn vị được giao.

3. Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch hành động này./.

Phụ lục I

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỤ THỂ GIAO CHO CÁC ĐƠN VỊ NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 318/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu phân đầu năm 2025	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá
	Kết quả huy động trẻ			Vụ GDMN
1	Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ	%	35	
2	Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo	%	94	
	Kết quả phổ cập giáo dục tiểu học			Vụ Giáo dục Tiểu học
3	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2	Số tỉnh	23	
4	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3	Số tỉnh	40	
	Kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở			Vụ Giáo dục Trung học
5	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 1)	Số tỉnh	29	
6	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 2)	Số tỉnh	22	
7	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 3)	Số tỉnh	12	
	Kết quả đạt chuẩn xóa mù chữ			Vụ Giáo dục Thường xuyên
8	Tỷ lệ số người biết chữ trong độ tuổi theo quy định	%	98,92	
9	Tỷ lệ giảng viên đại học có bằng tiến sĩ	%	34,5	Vụ Giáo dục Đại học
11	Tỷ lệ sinh viên học đại học/vạn dân		220	Vụ Giáo dục Đại học

Phụ lục II
NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN ĐƯỢC GIAO THỰC HIỆN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 418/QĐ-BGDDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Đơn vị chủ trì thực hiện, theo dõi, đánh giá	Đơn vị phối hợp (Các đơn vị, cơ quan liên quan)
1	Chương trình bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình GDMN và giáo dục phổ thông giai đoạn 2026 - 2030 (Chương trình hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho địa phương chưa cân đối được ngân sách để đầu tư cho cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 trong giai đoạn 2023 - 2025 và các năm tiếp theo)	Tháng 9/2025	Vụ Cơ sở vật chất	Các Vụ: GDMN, GDTH, GDTrH, KHTC, KHCN, GDDT, CTHSSV; Cục CNTT và Viện KHGDVN và các cơ quan: Ủy ban VHGD, Ủy ban Dân tộc, Văn phòng Chính phủ; các Bộ: TC, KH&ĐT, NN&PTNT, LĐ-TB&XH.

